

CTCP TẬP ĐOÀN GEMADEPT (HSX: GMD)

Kỳ vọng đà tăng trưởng lợi nhuận tiếp tục được duy trì

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q1-FY26	Q4-FY25	+/- qoq	Q1-FY25	+/- svck
Doanh thu thuần	1.452	1.614	-10%	1.277	14%
Lợi nhuận sau thuế	534	568	-6%	403	33%
EBIT	387	406	-5%	350	11%
Tỷ suất EBIT	27%	25%	147 bps	27%	-75 bps

Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Q1-FY26: Cùm cảng phía Nam giúp GMD tăng trưởng nhanh

- Doanh thu thuần và LNST-CĐM của GMD lần lượt đạt 1.452 tỷ đồng (+14% Svck) và 534 tỷ đồng (+33% Svck), tương ứng hoàn thành 23% và 24% dự phóng của chúng tôi cho năm 2026. Trong đó, doanh thu xếp dỡ container và logistics lần lượt đạt 1.452 tỷ đồng (+13% Svck) và 170 tỷ đồng (+22% Svck).
- Sản lượng thông qua tại cảng Nam Đình Vũ (NĐV), Bình Dương & PIP và Gemalink (GML) lần lượt đạt 328 nghìn TEU (-8% Svck), 382 nghìn TEU (+12% Svck) và 523 nghìn TEU (+19% Svck). Tại Hải Phòng, sản lượng thông qua của khu vực đạt 2 triệu TEU (+13% Svck), tập trung vào 4 bến cảng mới đi vào hoạt động tại Lạch Huyện và NĐV bị ảnh hưởng trực tiếp bởi xu hướng dịch chuyển mạnh của khách hàng MSC trong năm 2026. Trong khi đó, tăng trưởng sản lượng thông qua tại GML phù hợp với bối cảnh của khu vực, cùm cảng tại Cái Mép – Thị Vải đạt 1,9 triệu TEU (+14% Svck).
- Lãi từ công ty liên doanh, liên kết:** ghi nhận đạt 312 tỷ đồng (+37% Svck) với Gemalink và SCS giữ vị trí trọng tâm, hai công ty đóng góp tỷ trọng khoảng 60% LNST-CĐM. Cụ thể, ghi nhận lợi nhuận từ SCS là 60 tỷ đồng (+3% Svck) và GML là 233 tỷ đồng (+46% Svck).

Triển vọng Q2-FY26: Dòng chảy thương mại được đẩy nhanh là động lực dẫn dắt tăng trưởng cho GMD

- Ước tính sản lượng container của NĐV chưa thể cải thiện ngay so với cùng kỳ, chỉ đạt 368 nghìn TEU (-6% Svck) bởi cảng này cần thời gian tìm kiếm các khách hàng mới thay thế cho hãng tàu MSC. Hai cảng Bình Dương & PIP và Gemalink dự phóng sản lượng lần lượt là 430 nghìn TEU (+7% Svck) và 590 nghìn TEU (+29% Svck). Với GML, tốc độ tăng trưởng nhanh do cùng kỳ sản lượng sụt giảm bởi tác động từ thuế đối ứng của Mỹ. Trong Q2-FY26, các chủ hàng tại Mỹ đang tranh thủ nhập khẩu trước thời hạn có kết quả điều tra theo Mục 301 ngày 07/07/2026.
- Lãi từ công ty liên doanh, liên kết dự phóng đạt 390 tỷ đồng (+61% Svck). Trong đó, SCS sẽ đóng góp vào LNST của GMD là 67 tỷ đồng (-3% Svck), do ảnh hưởng từ xung đột tại Trung Đông ([xem báo cáo cập nhật KQKD Q1-FY25 của SCS](#)). Ngược lại, GML sẽ là mũi nhọn tăng trưởng nhờ hưởng lợi từ giá xếp dỡ container tại cảng nước sâu được tăng 10% kể từ tháng 02/2026 theo Quyết định số 2506/QĐ-BXD và giảm nợ vay ngoại tệ kể từ Q4-FY25 giúp mở rộng biên lợi nhuận. Dự phóng GML sẽ đóng góp vào LNST của GMD là 312 tỷ đồng (+97% Svck).
- Dự phóng doanh thu và LNST-CĐM của GMD lần lượt đạt 1.613 tỷ đồng (+6% Svck) và 651 tỷ đồng (+45% Svck). Lũy kế 12 tháng, EPS tương ứng là 4.850 VND.

Quan điểm và khuyến nghị

Năm 2026, chúng tôi cho rằng GMD sẽ duy trì tăng trưởng lợi nhuận trên 20%, cảng Gemalink sẽ được hưởng lợi trực tiếp sau khi điều chỉnh tăng giá dịch vụ xếp dỡ khoảng 10% theo Quyết định số 2506/QĐ-BXD, và sản lượng hàng hóa thông qua các cùm cảng của GMD tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng hai chữ số.

Sử dụng phương pháp tổng các thành phần, chúng tôi đưa ra giá mục tiêu cho GMD là **90.300 VNĐ/cổ phiếu**, cùng với cổ tức 2.200 VNĐ/cổ phiếu, tương đương tỷ suất sinh lời kỳ vọng là 20%, dựa trên giá đóng cửa ngày 06/07/2026. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** đối với GMD. ([Xem thêm báo cáo Cập nhật định giá](#))

MUA

+20%

Giá thị trường (VND)	77.200
Giá mục tiêu (VND)	90.300

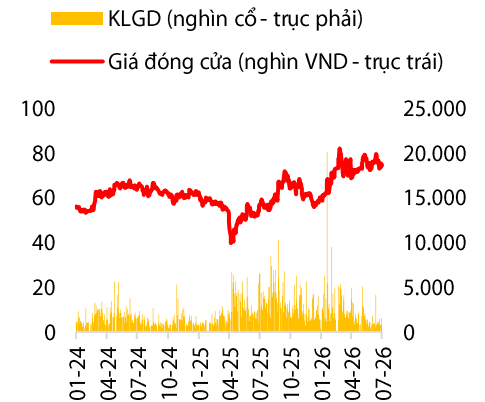
Dự kiến cổ tức tiền mặt 1 năm tới: 2.200 VND/cp

Thông tin cổ phiếu

Ngành	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp
Vốn hóa (tỷ đồng)	32.925
SLCPDLH (triệu CP)	426
KLGD bình quân 20 phiên (nghìn CP)	1.275
Free Float (%)	90
Giá cao nhất 52 tuần	82.016
Giá thấp nhất 52 tuần	54.418
Beta	1,0

	FY2025	Hiện tại
EPS	4.116	4.451
Tăng trưởng EPS (%)	17,1	7,1
P/E	18,0	17,9
P/B	2,4	2,5
EV/EBITDA	16,5	17,1
ROE (%)	13,8	14,6

Diễn biến giá



Cổ đông lớn (%)

VI FUND II, L.P	5,0
Khác	95,0
Giới hạn sở hữu NĐTNN còn lại (%)	8,49

Phòng Phân tích Ngành Cảng biển

phantich@vdsc.com.vn

Cập nhật KQKD Q1-FY26: Cụm cảng phía Nam giúp GMD tăng trưởng nhanh

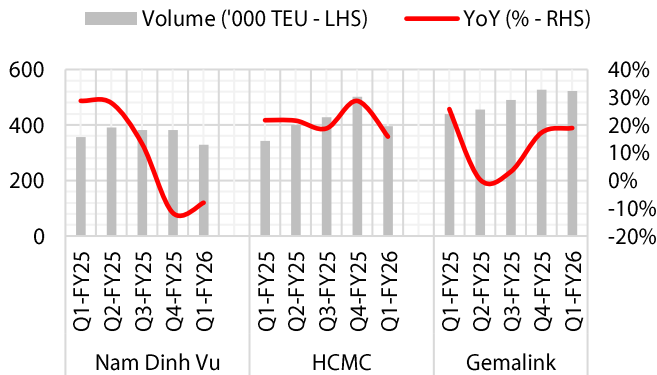
Trong Q1-FY26, doanh thu thuần và LNST-CĐM của GMD lần lượt đạt 1.452 tỷ đồng (+14% Svck) và 534 tỷ đồng (+33% Svck), tương ứng hoàn thành 23% và 24% dự phóng của chúng tôi. Trong đó:

- **Doanh thu xếp dỡ container:** đạt 1.452 tỷ đồng (+13% Svck), chiếm tỷ trọng 89% doanh thu thuần. Tổng sản lượng thông qua các cảng của GMD (không bao gồm Gemalink) đạt 382 nghìn TEU (+2% Svck). Qua đó, giá dịch vụ bình quân đạt 1,8 triệu VNĐ/TEU (+11% Svck). Đây là kết quả của quá trình tích hợp thêm các dịch vụ gia tăng ngoài hoạt động xếp dỡ truyền thống giúp nâng cao giá trị mỗi container.
- **Doanh thu logistics:** tích cực hơn kỳ vọng, ghi nhận 170 tỷ đồng (+22% Svck). Ước tính doanh thu cho thuê tàu đạt 40 tỷ đồng (-30% Svck) với Pride Pacific được cho thuê với giá cước 14.000 USD/ngày, cao hơn 17% so với hợp đồng cũ và tàu Green Pacific đã hết hợp đồng cho thuê 13.000 USD/ngày. Hoạt động Logistics khác ước tính đạt 130 tỷ đồng (+60% Svck).

Sản lượng container thông qua các cảng của GMD tại hai khu vực trọng điểm:

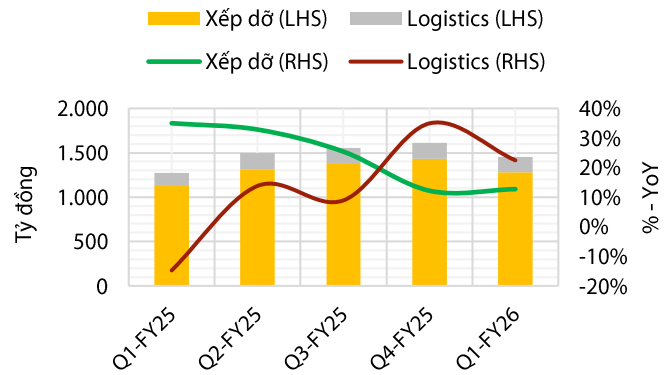
- **Cảng Nam Đình Vũ:** đạt 328 nghìn TEU (-8% Svck). Sản lượng khu vực Hải Phòng đạt 2 triệu TEU (+13% Svck), tập trung vào 4 bến cảng mới đi vào hoạt động tại Lạch Huyện. NĐV bị ảnh hưởng trực tiếp bởi sự dịch chuyển của khách hàng MSC trong năm 2026. Các cảng sông trong khu phần lớn đều giảm sụt giảm về sản lượng, ngoại trừ VIP Green và Nam Hải Đình Vũ (hai cảng đón thêm dịch vụ từ đội tàu HAH kể từ Q2-FY25).
- **Cảng Gemalink (GML):** đạt 523 nghìn TEU (+19% Svck), mặc dù vào giai đoạn Tết Nguyên đán nhưng sản lượng vẫn duy trì ở mức bình quân 180 nghìn TEU/tháng, đạt ngưỡng 130% công suất thiết kế. Điều này phù hợp với bối cảnh tăng trưởng sản lượng thông qua cụm cảng tại Cái Mép – Thị Vải đạt 1,9 triệu TEU (+14% Svck), được hỗ trợ bởi dòng chảy xuất khẩu của Việt Nam sang hai khu vực chính là Mỹ và Châu Âu, giá trị XK lần lượt đạt 39 tỷ USD (+33% Svck) và 15 tỷ USD (+24% Svck).
- **Cảng Bình Dương và Phước Long PIP:** đạt 382 nghìn TEU (+12% Svck). Đây là khu vực trung chuyển giữa các KCN phía Nam và cảng GML nên được hưởng lợi gián tiếp khi cảng GML duy trì tăng trưởng hai chữ số.

Hình 1: Sản lượng container theo khu vực



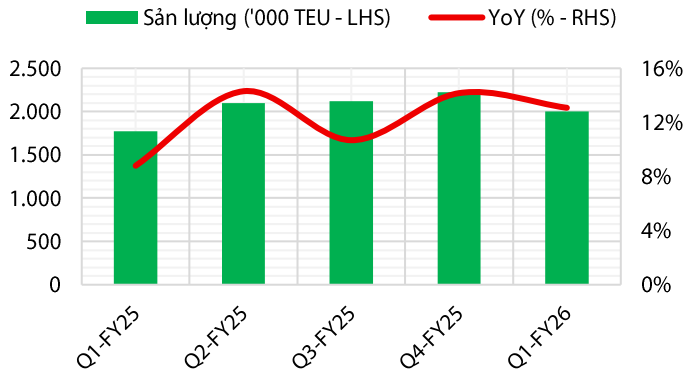
Nguồn: VPA, Cảng vụ Hải Phòng, CTCK Rồng Việt

Hình 2: Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh



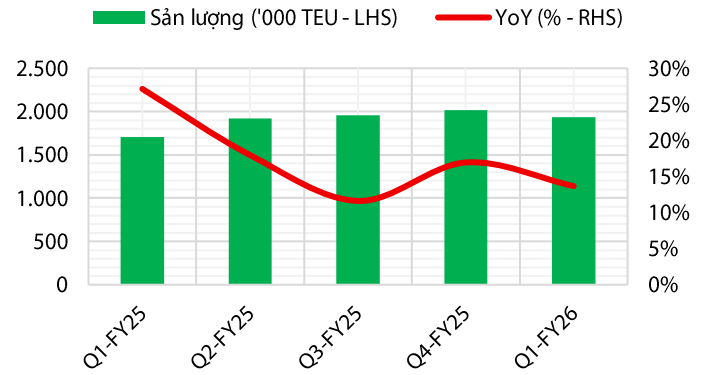
Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Hình 3: Sản lượng container tại Hải Phòng



Nguồn: Cảng vụ Hải Phòng, CTCK Rồng Việt

Hình 4: Sản lượng container tại Cái Mép – Thị Vải

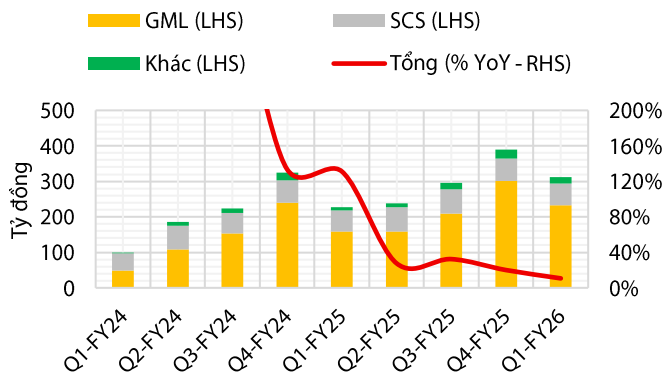


Nguồn: VPA, CTCK Rồng Việt

Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết tiếp tục tăng trưởng cao, ghi nhận đạt 312 tỷ đồng (+37% Svck) với trọng tâm là Gemalink và SCS.

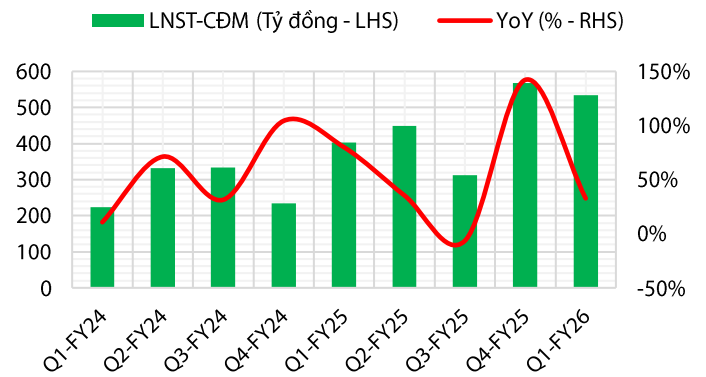
- **Gemalink:** Ngoài yếu tố tăng trưởng sản lượng, GML còn được hưởng lợi bởi giá xếp dỡ container tại cảng nước sâu được điều chỉnh tăng 10% kể từ tháng 02/2026 theo Quyết định số 2506/QĐ-BXD. Lợi nhuận từ GML ghi nhận 233 tỷ đồng (+46% Svck).
- **SCS:** GMD ghi nhận lợi nhuận đóng góp từ SCS là 60 tỷ đồng (+3% Svck). Trong Q1-FY26, sản lượng quốc tế/nội địa của SCS lần lượt đạt 47 nghìn tấn (-6% Svck)/14 nghìn tấn (-4% Svck) do tác động từ xung đột tại Trung Đông dẫn đến khu vực phải đóng cửa không phận. Các chỉ tiêu sinh lời của SCS được duy trì ổn định ở mức cao với biên gộp đạt 78% (-270 bps Svck) và biên ròng đạt 64% (đi ngang svck). ([xem thêm Cập nhật KQKD Q1-FY26 của SCS](#)).

Hình 5: Lợi nhuận từ liên doanh, liên kết



Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Hình 6: LNST-CĐM của GMD



Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

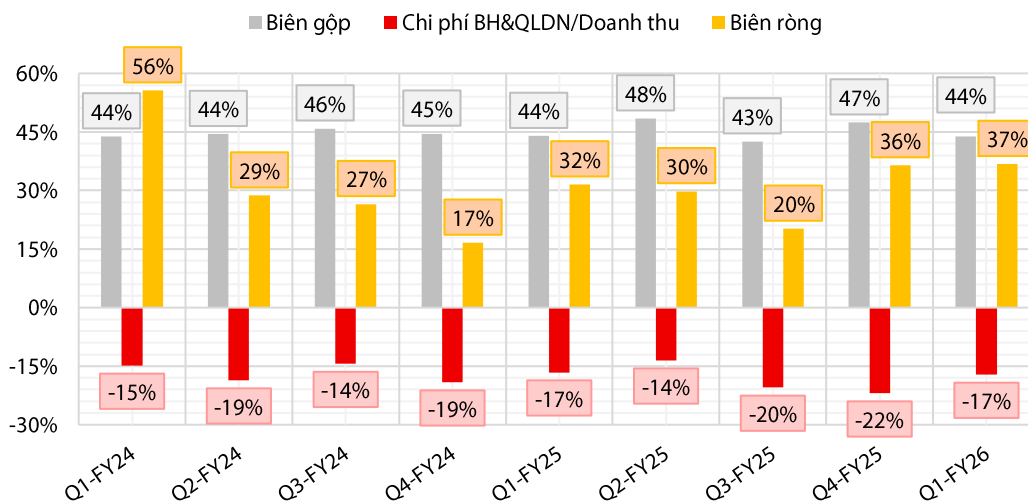
Bảng 1: KQKD Q1-FY26 của GMD

Đơn vị: Tỷ đồng	Q1-FY26	+/- Svck	% Kế hoạch 2026	% Dự phóng 2026
Sản lượng ('000 TEU)	1.233	8%		
Nam Đình Vũ	328	-8%		20%
Bình Dương & PIP	382	12%		22%
Gemalink	523	19%		26%
Doanh thu thuần	1.452	14%	22%	23%
Xếp dỡ container	1.283	13%		23%
Logistics	170	22%		25%
Giá vốn hàng bán	816	14%		23%
Xếp dỡ container	721	13%		
Logistics	95	21%		
Lợi nhuận gộp	636	13%		
Chi phí bán hàng và quản lý	250	18%		
EBIT	387	11%		
Lãi/lỗ từ liên doanh, liên kết	312	37%		22%
Doanh thu tài chính	60	106%		
Chi phí tài chính	42	48%		
Lãi/lỗ khác, ròng	0	-97%		
LNTT	716	23%	26%	
LNST	534	33%		24%

Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Các chỉ tiêu sinh lời của GMD

- Biên lợi nhuận gộp không có biến động lớn, ghi nhận 44% (tương đương cùng kỳ)
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (CPBH&QLDN) tương đương cùng kỳ, ghi nhận mức 17%.
- Biên lợi nhuận ròng được mở rộng 5 đpt svck, đạt 37% nhờ tăng trưởng lợi nhuận từ Gemalink như đã nêu trên.

Hình 7: Chỉ tiêu sinh lời của GMD


Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Triển vọng Q2-FY26: Lợi nhuận tiếp tục tăng trưởng nhanh với đóng góp từ cảng Gemalink
Bảng 4: Dự phóng KQKD Q2-FY26

Đơn vị: Tỷ đồng	Q2-FY26	+/- QoQ	+/- Svck	Giải định
Sản lượng ('000 TEU)				
Nam Đình Vũ	368	12%	-6%	Lũy kế tháng 4-5/2026, container thông qua đạt 238 nghìn TEU (-7% Svck). Trong bối cảnh sản lượng toàn khu vực tăng trưởng 6% thì đây là bước lùi của NĐV do cảng này đang trong quá trình tìm kiếm khách hàng mới thay thế cho MSC dịch chuyển về cảng Lạch Huyện. Ước tính sản lượng Q2-FY26 đạt 368 nghìn TEU (-6% Svck).
Bình Dương & PIP	430	13%	7%	Sản lượng ước tính đạt 430 nghìn TEU (+7% Svck), cụm cảng mang chức năng kết nối giữa KCN phía Nam và cảng GML, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chậm hơn tại GML do không có hiệu ứng nền thấp của cùng kỳ.
Gemalink	590	13%	29%	Lũy kế tháng 4-5/2026, container thông qua đạt 389 nghìn TEU (+36% Svck). Tốc độ tăng trưởng nhanh do cùng kỳ sản lượng sụt giảm bởi tác động từ thuế đối ứng của Mỹ. Trong Q2-FY26, các chủ hàng tại Mỹ đang tranh thủ nhập khẩu trước thời hạn có kết quả điều tra theo Mục 301 ngày 06/07/2026. Ước tính sản lượng Q2-FY26 đạt 590 nghìn TEU (+29% Svck).
Doanh thu thuần	1.613	11%	8%	
Xếp dỡ container	1.442	12%	10%	Sản lượng tại NĐV và Bình Dương & PIP được dự báo đi ngang svck, giá dịch vụ xếp dỡ bình quân ước tính tương đương quý trước, trung bình đạt 1,8 triệu VND/TEU.
Logistics	171	1%	-9%	Dự phóng lĩnh vực kho vận ước tính đạt 137 tỷ đồng. Lĩnh vực cho thuê tàu định hạn đạt 34 tỷ đồng với tàu Pride Pacific tái ký với giá cước 14.000 USD.
Giá vốn hàng bán	894	10%		
Lợi nhuận gộp	719	13%		
Chi phí BH&QLDN	290	16%	43%	Chúng tôi duy trì tỷ lệ chi phí BH&QLDN/doanh thu thuần ở mức 18%. Hai trụ cột của GMD là SCS và GML là chiếm tỷ trọng lớn nhất về lợi nhuận trong nhóm Công ty liên kết:
Lãi/lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	390	25%	61%	<ul style="list-style-type: none"> SCS: Dự phóng LNST của SCS đạt 184 tỷ đồng (-3% Svck) sẽ đóng góp vào LNST của GMD là 67 tỷ đồng (-3% Svck), tương ứng với tỷ lệ lợi ích 36,24%. GML: Sản lượng ước tính đạt 590 nghìn TEU (% Svck). Giá xếp dỡ container tại cảng nước sâu được tăng 10% kể từ tháng 02/2026 theo Quyết định số 2506/QĐ-BXD và giảm nợ vay ngoại tệ kể từ Q4-FY25 giúp mở rộng biên lợi nhuận. Dự phóng LNST của GML là 480 tỷ đồng (+97% Svck). Đóng góp vào LNST của GMD là 312 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ lợi ích là 65,13%.
Doanh thu tài chính	60	0%	-4%	
Chi phí tài chính	40	-5%	69%	
LNST	840	17%	23%	
LNST-CĐM	651	22%	29%	
Chỉ tiêu tài chính				
Biên lợi nhuận gộp	45%	1 pps	-4 pps	Biên lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ bởi chi phí khấu hao tăng thêm từ cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 3 đã được đưa vào khai thác từ tháng 10/2025, giá trị khấu hao tăng thêm so với cùng kỳ khoảng 30 tỷ đồng.
EBITDA/Doanh thu	34%	-1 pps	-7 pps	Kể từ 2H2025, GMD đã tăng mức chi trả hoa hồng môi giới cho các đại lý hãng tàu nên chi phí BH&QLDN của Q2-FY26 tăng mạnh so với mức nền thấp của cùng kỳ.
EBIT/Doanh thu	27%	0 pps	-8 pps	
TS lợi nhuận ròng	40%	4 pps	10 pps	Biên ròng được mở rộng, với cảng Gemalink được dự báo tăng trưởng mạnh trong Q2-FY26.

Nguồn: CTCK Rồng Việt

PHỤ LỤC
Bảng: Kết quả kinh doanh Q1-FY26 của GMD

Đơn vị: Tỷ đồng	Q1/2026	Q4/2025	+/- QoQ	Q1/2025	+/- YoY
Doanh thu thuần	1.452	1.614	-10%	1.277	14%
Xếp dỡ container	1.283	1.432	-10%	1.138	13%
Logistics	170	182	-7%	139	22%
Giá vốn hàng bán	816	849	-4%	715	14%
Xếp dỡ container	721	756	-5%	637	13%
Logistics	95	92	2%	79	21%
Lợi nhuận gộp	636	766	-17%	561	13%
Chi phí bán hàng và quản lý	250	359	-31%	212	18%
EBIT	387	406	-5%	350	11%
Lãi lỗ từ liên doanh, liên kết	312	391	-20%	227	37%
Doanh thu tài chính	60	87	-31%	29	106%
Chi phí tài chính	42	-8	N/A	29	48%
Lãi/lỗ khác, ròng	0	-168	N/A	5	-97%
LNTT	716	725	-1%	583	23%
LNST	534	568	-6%	403	33%

Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Bảng: Phân tích chỉ số tài chính Q1-FY26 của GMD

Chỉ tiêu	Q1-FY26	Q4-FY25	+/- QoQ	Q1-FY25	+/- YoY
Hiệu quả sinh lợi (%)					
Biên lợi nhuận gộp	44%	47%	-4 pps	44%	0 pps
EBITDA/Doanh thu	35%	33%	3 pps	35%	0 pps
EBIT/Doanh thu	27%	25%	1 pps	27%	-1 pps
TS lợi nhuận ròng	37%	35%	2 pps	32%	5 pps
Hiệu quả hoạt động (x)					
Số ngày tồn kho	78,9	79,5	-0,7	88,1	-9,2
Số ngày phải thu	10,3	9,9	0,4	9,5	0,8
Số ngày phải trả	73,5	72,2	1,3	70,1	3,4
Đòn bẩy (%)					
Tổng nợ vay/VCSH	15%	16%	-1 pps	14%	2 pps

Nguồn: GMD, CTCK Rồng Việt

Tỷ đồng
Tỷ đồng

KQ HKKD	2024A	2025A	2026F	2027F
Doanh thu thuần	4.832	5.956	6.341	6.770
Giá vốn	2.697	3.217	3.570	3.816
Lãi gộp	2.135	2.739	2.771	2.955
Chi phí bán hàng & QLDN	822	1.093	1.098	1.200
Thu nhập từ HĐTC	426	228	127	114
Chi phí tài chính	139	113	185	148
Lợi nhuận khác	320	394	0	0
Lợi nhuận trước thuế	2.099	2.521	3.014	3.074
Thuế TNDN	175	218	223	230
Lợi ích cổ đông thiểu số	468	547	553	606
Lợi nhuận sau thuế	1.455	1.756	2.238	2.238
EBIT	1.303	1.641	1.667	1.748
EBITDA	1.715	2.071	2.194	2.293

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2024A	2025A	2026F	2027F
Tăng trưởng (%)				
Doanh thu	25,6	23,3	6,5	6,8
LNTT và lãi vay	18,8	26,0	1,6	4,9
Lợi nhuận sau thuế	-35,3	20,6	27,5	0,0
Tổng tài sản	32,9	10,2	6,4	7,9
Vốn chủ sở hữu	44,3	6,1	9,2	8,4
Khả năng sinh lợi (%)				
LN gộp/Doanh thu	44,2	46,0	43,7	43,6
LNTT và lãi vay/Doanh thu	27,0	27,5	26,3	25,8
LNST/Doanh thu	30,1	29,5	35,3	33,1
ROA	8,1	8,9	10,6	9,8
ROE	11,8	13,4	15,6	14,4
Hiệu quả hoạt động (ngày)				
Số ngày phải thu	93,3	85,7	91,9	91,9
Số ngày tồn kho	11,3	10,5	10,0	10,0
Số ngày phải trả	65,9	77,9	57,0	57,0
Khả năng thanh toán (lần)				
Hiện hành	3,8	2,9	3,1	3,3
Nhanh	3,6	2,7	2,9	3,1
Cấu trúc tài chính (%)				
Tổng Nợ / VCSH	17,5	18,2	12,5	9,7
Vay ngắn hạn/VCSH	0,5	0,6	0,0	0,0
Tổng vay/VCSH	23,5	24,8	20,9	18,8

BẢNG CĐKT	2024A	2025A	2026F	2027F
Tiền	3.964	1.622	2.679	3.365
Đầu tư ngắn hạn	1.021	2.739	2.000	2.000
Khoản phải thu	1.236	1.399	1.597	1.705
Hàng tồn kho	83	92	98	105
Tài sản ngắn hạn khác	369	354	377	403
Tài sản cố định hữu hình	5.504	6.609	6.395	6.165
Tài sản cố định vô hình	247	245	231	216
Đầu tư dài hạn	3.854	4.867	5.860	6.986
Tài sản dài hạn khác	1.719	1.899	1.860	1.821
Tổng tài sản	17.998	19.826	21.097	22.765
Khoản phải trả	487	686	558	596
Vay và nợ ngắn hạn	63	80	0	0
Vay và nợ dài hạn	2.105	2.309	1.793	1.504
Vay và nợ khác	380	484	484	484
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0	0
Quỹ khoa học công nghệ	0	0	0	0
Tổng nợ	4.226	4.908	4.420	4.276
Vốn đầu tư của CSH	4.140	4.265	4.265	4.265
Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	3.617	4.213	5.418	6.624
Thu nhập khác	4.625	4.662	4.662	4.662
Quỹ đầu tư và phát triển	0	0	2.235	2.891
Tổng vốn	17.998	19.826	21.097	22.765
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.390	1.778	2.331	2.938

CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ	2024A	2025A	2026F	2027F
EPS (đồng)	3.516	4.116	5.247	5.247
P/E (x)	19,8	17,8	17,2	17,2
BV (đồng)	29.909	30.809	33.636	36.463
P/B (x)	2,2	2,4	2,7	2,5
DPS (đồng/cp)	2.200	2.000	2.200	2.200
Tỷ suất cổ tức (%)	2,9	3,6	2,7	2,7

LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ	GIÁ	KHUYẾN NGHỊ	THỜI HẠN
08/2025	71.000	MUA	1 năm
04/2026	90.300	MUA	1 năm
07/2026	90.300	MUA	1 năm

BÁO CÁO CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

Báo cáo này được lập nhằm mục đích cung cấp cho nhà đầu tư một góc nhìn về doanh nghiệp và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc ra các quyết định đầu tư. Báo cáo được lập trên cơ sở phân tích hoạt động của doanh nghiệp, dự phóng kết quả kinh doanh dựa trên những dữ liệu cập nhật nhất nhằm xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu tại thời điểm phân tích. Chúng tôi đã cố gắng chuyển tải đầy đủ những đánh giá và quan điểm của người phân tích về công ty vào báo cáo này. Nhà đầu tư mong muốn tìm hiểu thêm hoặc có ý kiến phản hồi, vui lòng liên lạc với người phân tích hoặc bộ phận hỗ trợ khách hàng của chúng tôi.

Các loại khuyến cáo

Khuyến Nghị	MUA	TÍCH LŨY	NẮM GIỮ	GIẢM TỶ TRỌNG	BÁN
Tổng mức sinh lời bao gồm cổ tức trong 12 tháng	>20%	5% đến 20%	-5% đến 5%	-20% đến -5%	<-20%

GIỚI THIỆU

CTCP Chứng Khoán Rồng Việt (viết tắt là VDSC) được thành lập vào năm 2006, được phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư, lưu ký chứng khoán. VDSC đã mở rộng mạng lưới hoạt động đến các thành phố lớn trên toàn quốc. Với thành phần cổ đông chiến lược cũng là đối tác lớn như Eximbank, CTCP Quản Lý Quỹ Việt Long,... cùng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, VDSC có tiềm lực về con người và tài chính để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm – dịch vụ phù hợp và hiệu quả. Đặc biệt, VDSC là một trong số ít các công ty chứng khoán đầu tiên quan tâm phát triển đội ngũ phân tích và ưu tiên nhiệm vụ cung cấp các báo cáo phân tích hỗ trợ thông tin hữu ích cho khách hàng.

Phòng Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư cung cấp các báo cáo về kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, về chiến lược đầu tư, các báo cáo phân tích ngành, phân tích công ty và các bản tin chứng khoán hàng ngày, hàng tuần.

THÔNG TIN LIÊN HỆ
Nguyễn Thị Phương Lam
Giám đốc Phân tích

lam.ntp@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1313)

Đỗ Thạch Lam
Trưởng phòng cao cấp

lam.dt@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1524)

Trần Thị Ngọc Hà
Trưởng phòng Vận hành

ha.ttn@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1526)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘ SỞ

Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon - 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

T (+84) 28 6299 2006 E info@vdsc.com.vn
W www.vdsc.com.vn MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Hà Nội

T (+84) 24 6288 2006
F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa

T (+84) 25 8382 0006
F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

T (+84) 29 2381 7578
F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

T (+84) 25 1777 2006



DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. RongViet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được RongViet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của RongViet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của RongViet Securities đều trái luật, **Bản quyền thuộc RongViet Securities, 2026.**